UBND HUYỆN PHÚ LỘC **HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10/TB-HĐXT	*Phú Lộc, ngày 18 tháng 9 năm 2017*

THÔNG BÁO
Kết quả xét tuyển viên chức giáo dục năm học 2017-2018

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức; Thông tư số 16/2012/TT-BNV ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế thi tuyển, xét tuyển viên chức; Quy chế thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức và Nội quy kỳ thi tuyển, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-HĐXT ngày 25 tháng 8 năm 2017 của Hội đồng xét tuyển về việc Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế xét tuyển viên chức giáo dục năm học 2017-2018;

Trên cơ sở Biên bản thống nhất điểm phỏng vấn ngày 16/9/2017 và ngày 17/9/2017 của Ban kiểm tra, sát hạch; Hội đồng xét tuyển Thông báo kết quả xét tuyển viên chức giáo dục năm học 2017-2018 như sau:

1. Kết quả xét tuyển viên chức năm học 2017 - 2018 *(có danh sách kèm theo).*

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày thông báo, thí sinh có thắc mắc, kiến nghị về kết quả xét tuyển có quyền gửi đơn đề nghị phúc khảo đến Hội đồng xét tuyển viên chức năm học 2017 - 2018 của huyện Phú Lộc.

Hội đồng xét tuyển viên chức năm học 2017 - 2018 không giải quyết phúc khảo đối với các đơn đề nghị phúc khảo nhận được sau thời gian quy định nêu *trên (tính theo ngày đơn đề nghị phúc khảo đến tại Phòng Nội vụ huyện Phú Lộc)* và các đơn đề nghị phúc khảo gửi bằng thư điện tử, Fax, Telex.

Kết quả xét tuyển viên chức năm học 2017 - 2018 được niêm yết công khai tại Phòng Nội vụ, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Trang thông tin điện tử huyện http://phuloc.thuathienhue.gov.vn, Trang thông tin điện tử của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện http://phuloc.thuathienhue.edu.vn và gửi cho các thí sinh dự tuyển./.

Nơi nhận:
- Sở Nội vụ;
- CT UBND huyện;
- Phòng: Nội vụ, GD&ĐT;
- Thành viên Hội đồng;
- Trang thông tin điện tử huyện Phú Lộc;
- Trang thông tin điện tử Phòng GD&ĐT;
- Thí sinh xét tuyển;
- Lưu: HSXT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN
CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Nguyễn Văn Mạnh

UBND HUYỆN PHÚ LỘC
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN

DANH SÁCH KẾT QUẢ XÉT TUYỂN VỊ TRÍ VIỆC LÀM GIÁO VIÊN TIN HỌC

(Kèm theo Thông báo số: 10 /TB-HĐXT ngày 18/9/2017 của Hội đồng xét tuyển)

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Điểm thang điểm 10				Điểm quy đổi thang điểm 100				Tổng điểm
							Điểm trung bình môn học	Điểm trung bình thi tốt nghiệp hoặc khoá luận	Điểm tín chỉ	Điểm phỏng vấn	Điểm trung bình môn học (hệ số 1)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp hoặc khoá luận (hệ số 1)	Điểm tín chỉ (hệ số 2)	Điểm phỏng vấn (hệ số 2)	
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15=(11+12 +13+14)*
	Chỉ tiêu tuyển dụng: 04			**Thí sinh tham gia phỏng vấn: 08**											
1	Lê Văn	Ngọc	02/01/1990	Vinh Mỹ, Phú Lộc	Cao đẳng	Công nghệ thông tin			7.40	9.00	0.00	0.00	148.00	180.00	328.00
2	Trương Thị Bích	Thủy	25/7/1992	Lộc An, Phú Lộc	Đại học	Sư phạm Tin học			6.85	8.75	0.00	0.00	137.00	175.00	312.00
3	Trần Đình	Thắng	20/11/1991	Vinh Hưng, Phú Lộc	Đại học	Công nghệ thông tin	7.03	7.70		8.00	70.30	77.00	0.00	160.00	307.30
4	Võ Thị Ánh	Linh	26/9/1992	TT Phú Lộc, Phú Lộc	Cao đẳng	Sư phạm Toán- Tin			7.21	8.00	0.00	0.00	144.20	160.00	304.20
5	Lê Hữu	Nhiệm	08/02/1992	Phú Vang	Đại học	Sư phạm Tin học			7.42	3.88	0.00	0.00	148.40	77.60	226.00
6	Lê Thị	Thảo	16/4/1994	Phong Điền	Đại học	Sư phạm Tin học			7.63	2.88	0.00	0.00	152.60	57.60	210.20
7	Lê Thị Kim	Na	20/8/1994	Lộc Điền, Phú Lộc	Đại học	Sư phạm Tin học			7.13	2.50	0.00	0.00	142.60	50.00	192.60
8	Lê Thanh	Tùng	13/5/1989	TT Phú Lộc, Phú Lộc	Đại học	Sư phạm Tin học			6.85	2.25	0.00	0.00	137.00	45.00	182.00

UBND HUYỆN PHÚ LỘC
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN

DANH SÁCH KẾT QUẢ XÉT TUYỂN TRÍ VIỆC LÀM GIÁO VIÊN TIẾNG ANH

(Kèm theo Thông báo số: 10 /TB-HĐXT ngày 18/9/2017 của Hội đồng xét tuyển)

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Điểm thang điểm 10				Điểm quy đổi thang điểm 100				Tổng điểm
							Điểm trung bình môn học	Điểm trung bình thi tốt nghiệp hoặc khoá luận	Điểm tín chỉ	Điểm phỏng vấn	Điểm trung bình môn học (hệ số 1)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp hoặc khoá luận (hệ số 1)	Điểm tín chỉ (hệ số 2)	Điểm phỏng vấn (hệ số 2)	
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15=(11+12+13+14)
	Chỉ tiêu tuyển dụng: 07			**Thí sinh tham gia phỏng vấn: 12**											
1	Hà Thị	Ngọc	12/3/1992	Lộc Bình, Phú Lộc	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh			7.91	9.20	0.00	0.00	158.20	184.00	342.20
2	Trần Hồ Thúy	Uyên	02/10/1992	Lộc Trì, Phú Lộc	Đại học	Tiếng Anh			7.61	9.10	0.00	0.00	152.20	182.00	334.20
3	Nguyễn Thị Ngọc	Quý	18/4/1993	Lộc Trì, Phú Lộc	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh			7.17	9.30	0.00	0.00	143.40	186.00	329.40
4	Nguyễn Thị Kim	Ngân	02/01/1995	Thị trấn Lăng Cô	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh			7.30	9.10	0.00	0.00	146.00	182.00	328.00
5	Trần Thị Thúy	Nga	10/8/1994	Lộc An, Phú Lộc	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh			7.16	9.20	0.00	0.00	143.20	184.00	327.20
6	Cái Thị Thùy	Trang	21/10/1994	TT Phú Lộc, Phú Lộc	Cao đẳng	Sư phạm Tiếng Anh			7.53	8.80	0.00	0.00	150.60	176.00	326.60
7	Văn Thị Diệu	Lan	16/11/1992	Lộc Điền, Phú Lộc	Đại học	Tiếng Anh			6.96	9.20	0.00	0.00	139.20	184.00	323.20

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Điểm thang điểm 10				Điểm quy đổi thang điểm 100				Tổng điểm
							Điểm trung bình môn học	Điểm trung bình thi tốt nghiệp hoặc khoá luận	Điểm tín chỉ	Điểm phỏng vấn	Điểm trung bình môn học (hệ số 1)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp hoặc khoá luận (hệ số 1)	Điểm tín chỉ (hệ số 2)	Điểm phỏng vấn (hệ số 2)	
8	Trần Thị Kiều	My	01/10/1994	Lộc Điền, Phú Lộc	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh			7.35	7.70	0.00	0.00	147.00	154.00	301.00
9	Đoàn Cẩm	Kha	18/10/1991	Vinh Mỹ, Phú Lộc	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh			7.88	4.90	0.00	0.00	157.60	98.00	255.60
10	Lê Thị Thủy	Lương	24/12/1995	Lộc Sơn, Phú Lộc	Cao đẳng	Sư phạm Tiếng Anh			7.76	3.90	0.00	0.00	155.20	78.00	233.20
11	Nguyễn Thị Mỹ	Thùy	24/02/1995	Lộc Điền, Phú Lộc	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh			7.29	2.20	0.00	0.00	145.80	44.00	189.80
12	Hồ Thị Mộng	Thùy	12/01/1992	Lộc Điền, Phú Lộc	Cao đẳng	Sư phạm Tiếng Anh	6.53	6.50		2.50	65.30	65.00	0.00	50.00	180.30

UBND HUYỆN PHÚ LỘC
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN

DANH SÁCH KẾT QUẢ XÉT TUYỂN VỊ TRÍ VIỆC LÀM GIÁO VIÊN TIỂU HỌC

(Kèm theo Thông báo số: 10/TB-HĐXT ngày 18/9/2017 của Hội đồng xét tuyển)

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Điểm thang điểm 10				Điểm quy đổi thang điểm 100				Tổng điểm
							Điểm trung bình môn học	Điểm trung bình thi tốt nghiệp hoặc khoá luận	Điểm tín chỉ	Điểm phỏng vấn	Điểm trung bình môn học (hệ số 1)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp hoặc khoá luận (hệ số 1)	Điểm tín chỉ (hệ số 2)	Điểm phỏng vấn (hệ số 2)	
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15=(11+12+13+14)
Chỉ tiêu tuyển dụng: 22				**Thí sinh tham gia phỏng vấn: 44**											
Ghi chú: Các thí sinh đăng ký nguyện vọng 1, 2, 3 ở các trường có chỉ tiêu gửi về Phòng Nội vụ trước ngày 25/9/2017															
1	Trần Thị Lan	Hương	05/01/1993	TT Phú Lộc, Phú Lộc	Cao đẳng	GD Tiểu học			8.90	9.10	0.00	0.00	178.00	182.00	360.00
2	Cái Thị	Loan	12/10/1995	Lộc Trì, Phú Lộc	Cao đẳng	GD Tiểu học			8.27	9.40	0.00	0.00	165.40	188.00	353.40
3	Phạm Thị	Quý	21/8/1992	Lộc Sơn, Phú Lộc	Đại học	GD Tiểu học	7.00	8.50		9.40	70.00	85.00	0.00	188.00	343.00
4	Nguyễn Thị	Phú	01/01/1993	Vinh Giang, Phú Lộc	Cao đẳng	GD Tiểu học			8.06	9.00	0.00	0.00	161.20	180.00	341.20
5	Trần Thị Ngọc	Diễm	10/5/1992	Lộc Điền, Phú Lộc	Cao đẳng	GD Tiểu học	7.60	8.00		9.10	76.00	80.00	0.00	182.00	338.00
6	Trần Thị Thanh	Thúy	10/02/1991	TT Phú Lộc, Phú Lộc	Cao đẳng	GD Tiểu học	7.87	8.50		8.60	78.70	85.00	0.00	172.00	335.70
7	Dương Thị Hồng	Phượng	19/02/1994	Lộc Tiến, Phú Lộc	Cao đẳng	GD Tiểu học			8.12	8.60	0.00	0.00	162.40	172.00	334.40
8	Trương Thị	Phượng	10/11/1992	Lộc Hòa, Phú Lộc	Đại học	GD Tiểu học			7.86	8.80	0.00	0.00	157.20	176.00	333.20

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Điểm thang điểm 10				Điểm quy đổi thang điểm 100				Tổng điểm
							Điểm trung bình môn học	Điểm trung bình thi tốt nghiệp hoặc khoá luận	Điểm tín chỉ	Điểm phỏng vấn	Điểm trung bình môn học (hệ số 1)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp hoặc khoá luận (hệ số 1)	Điểm tín chỉ (hệ số 2)	Điểm phỏng vấn (hệ số 2)	
9	Đặng Thị Thùy	Linh	01/8/1995	TT Phú Lộc, Phú Lộc	Đại học	GD Tiểu học			7.81	8.50	0.00	0.00	156.20	170.00	326.20
10	Nguyễn Thị	Vân	11/10/1991	Lộc An, Phú Lộc	Cao đẳng	GD Tiểu học	7.89	8.50		8.10	78.90	85.00	0.00	162.00	325.90
11	Trần Thị Thanh	Thảo	02/02/1991	Lộc An, Phú Lộc	Đại học	GD Tiểu học	7.41	7.50		8.80	74.10	75.00	0.00	176.00	325.10
12	Trần Thị	Liên	30/12/1991	Lộc Sơn, Phú Lộc	Đại học	GD Tiểu học	7.00	8.25		8.60	70.00	82.50	0.00	172.00	324.50
13	Nguyễn Quang Thị	Ngọc	24/5/1991	Vinh Hiền, Phú Lộc	Cao đẳng	GD Tiểu học			8.30	7.80	0.00	0.00	166.00	156.00	322.00
14	Nguyễn Thị Cẩm	Na	02/02/1990	TT Phú Lộc, Phú Lộc	Cao đẳng	GD Tiểu học			7.78	8.20	0.00	0.00	155.60	164.00	319.60
15	Nguyễn Thị	Thê	20/4/1990	TT Phú Lộc, Phú Lộc	Đại học	GD Tiểu học	7.17	7.00		8.80	71.70	70.00	0.00	176.00	317.70
16	Phan Thị Hoài	Phương	03/3/1990	Lộc An, Phú Lộc	Đại học	GD Tiểu học	6.85	8.00		8.40	68.50	80.00	0.00	168.00	316.50
17	Trần Thị Ly	Na	06/02/1991	Lộc An, Phú Lộc	Đại học	GD Tiểu học	6.85	8.25		7.90	68.50	82.50	0.00	158.00	309.00
18	Đoàn Thị Hải	Vân	14/11/1992	TT Phú Lộc, Phú Lộc	Đại học	GD Tiểu học			7.59	7.60	0.00	0.00	151.80	152.00	303.80
19	Lê Thị Thanh	Phương	05/5/1990	Vinh Mỹ, Phú Lộc	Đại học	GD Tiểu học	6.36	6.00		8.90	63.60	60.00	0.00	178.00	301.60
20	Phạm Thị Ý	Nhi	02/6/1988	Hương Thủy	Cao đẳng	GD Tiểu học			7.73	7.20	0.00	0.00	154.60	144.00	298.60
21	Trần Thị	Huê	20/02/1989	TT Phú Lộc, Phú Lộc	Đại học	GD Tiểu học	6.85	6.00		8.30	68.50	60.00	0.00	166.00	294.50
22	Bùi Thị Ngọc	Lan	05/4/1985	Lộc Thủy, Phú Lộc	Đại học	GD Tiểu học	6.59	5.50		8.60	65.90	55.00	0.00	172.00	292.90
23	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	21/6/1990	TT Phú Lộc, Phú Lộc	Đại học	GD Tiểu học	6.48	7.00		7.50	64.80	70.00	0.00	150.00	284.80

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Điểm thang điểm 10				Điểm quy đổi thang điểm 100				Tổng điểm
							Điểm trung bình môn học	Điểm trung bình thi tốt nghiệp hoặc khoá luận	Điểm tín chỉ	Điểm phỏng vấn	Điểm trung bình môn học (hệ số 1)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp hoặc khoá luận (hệ số 1)	Điểm tín chỉ (hệ số 2)	Điểm phỏng vấn (hệ số 2)	
24	Nguyễn Thị Bé	Cảng	07/7/1987	Vinh Hiền, Phú Lộc	Đại học	GD Tiểu học			7.31	6.80	0.00	0.00	146.20	136.00	282.20
25	Nguyễn Văn	Quốc	13/3/1991	Lộc An, Phú Lộc	Đại học	GD Tiểu học	6.57	7.00		7.10	65.70	70.00	0.00	142.00	277.70
26	Đào Thị	Nết	15/3/1995	TT Phú Lộc, Phú Lộc	Đại học	GD Tiểu học			7.78	5.90	0.00	0.00	155.60	118.00	273.60
27	Cao Hữu	Tuyến	11/3/1987	Vinh Mỹ, Phú Lộc	Đại học	GD Tiểu học	6.26	6.00		7.10	62.60	60.00	0.00	142.00	264.60
28	Hồ Thị Ngọc	Huyền	18/8/1991	Lộc Hòa, Phú Lộc	Đại học	GD Tiểu học	6.69	6.00		6.70	66.90	60.00	0.00	134.00	260.90
29	Hoàng Thị Thanh	Thái	02/7/1995	TP Huế	Cao đẳng	GD Tiểu học			8.07	4.80	0.00	0.00	161.40	96.00	257.40
30	Cao Thị	Hà	01/9/1992	TT Phú Lộc, Phú Lộc	Cao đẳng	GD Tiểu học	7.67	8.50		4.70	76.70	85.00	0.00	94.00	255.70
31	La Thị	Nhung	28/9/1995	Hương Trà	Đại học	GD Tiểu học			7.46	4.10	0.00	0.00	149.20	82.00	231.20
32	Bùi Thị Ngọc	Lan	01/01/1989	Lộc Sơn, Phú Lộc	Đại học	GD Tiểu học	6.73	8.00		4.00	67.30	80.00	0.00	80.00	227.30
33	Hoàng Thị Thu	Hiền	07/11/1996	Hương Trà	Cao đẳng	GD Tiểu học			8.48	2.80	0.00	0.00	169.60	56.00	225.60
34	Nguyễn Thị	Nà	08/6/1994	Quảng Bình	Đại học	GD Tiểu học			7.85	3.00	0.00	0.00	157.00	60.00	217.00
35	Nguyễn Thị	Hão	10/02/1994	Phú Vang	Đại học	GD Tiểu học			7.80	2.90	0.00	0.00	156.00	58.00	214.00
36	Phan Thị Thanh	Vân	03/4/1993	Phú Vang	Đại học	GD Tiểu học			7.40	3.20	0.00	0.00	148.00	64.00	212.00
37	Trần Đình	Thìn	02/01/1993	Lộc Tiến, Phú Lộc	Đại học	GD Tiểu học			7.47	3.10	0.00	0.00	149.40	62.00	211.40
38	Hồ Thị	Bé	15/6/1990	Lộc An, Phú Lộc	Đại học	GD Tiểu học	6.56	8.75		2.80	65.60	87.50	0.00	56.00	209.10

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Điểm thang điểm 10				Điểm quy đổi thang điểm 100				Tổng điểm
							Điểm trung bình môn học	Điểm trung bình thi tốt nghiệp hoặc khoá luận	Điểm tín chỉ	Điểm phỏng vấn	Điểm trung bình môn học (hệ số 1)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp hoặc khoá luận (hệ số 1)	Điểm tín chỉ (hệ số 2)	Điểm phỏng vấn (hệ số 2)	
39	Phạm Thị Diễm	Mi	21/9/1991	Lộc Điền, Phú Lộc	Cao đẳng	GD Tiểu học	7.71	8.50		2.30	77.10	85.00	0.00	46.00	208.10
40	Trương Thị	Phúc	20/4/1989	Lộc Tiến, Phú Lộc	Cao đẳng	GD Tiểu học			7.68	2.60	0.00	0.00	153.60	52.00	205.60
41	Nguyễn Thị Quỳnh	Ni	10/11/1994	Phú Vang	Đại học	GD Tiểu học			7.72	1.80	0.00	0.00	154.40	36.00	190.40
42	Phan Thị Thu	Loan	25/7/1993	TT Phú Lộc, Phú Lộc	Trung cấp	GD Tiểu học	6.50	6.70		2.50	65.00	67.00	0.00	50.00	182.00
43	Nguyễn Thị	Huế	20/02/1994	Vinh Hiền, Phú Lộc	Đại học	GD Tiểu học			7.91	0.00	0.00	0.00	158.20	0.00	158.20
44	Trần Thị	Nhi	19/12/1987	Lộc Sơn, Phú Lộc	Đại học	GD Tiểu học	6.12	5.50		1.30	61.20	55.00	0.00	26.00	142.20

UBND HUYỆN PHÚ LỘC
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN

DANH SÁCH KẾT QUẢ XÉT TUYỂN VỊ TRÍ VIỆC LÀM GIÁO VIÊN MẦM NON

(Kèm theo Thông báo số: 10 /TB-HĐXT ngày 18/9/2017 của Hội đồng xét tuyển)

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Điểm thang điểm 10				Điểm quy đổi thang điểm 100				Tổng điểm
							Điểm trung bình môn học	Điểm trung bình thi tốt nghiệp hoặc khoá luận	Điểm tín chỉ theo thang điểm	Điểm phỏng vấn	Điểm trung bình môn học (hệ số 1)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp hoặc khoá luận (hệ số 1)	Điểm tín chỉ (hệ số 2)	Điểm phỏng vấn (hệ số 2)	
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15=(11+12+13+14)
Chỉ tiêu tuyển dụng: 38			**Thí sinh phỏng vấn tham gia: 53**												
1	Nguyễn Thị	Phượng	10/8/1982	TT Phú Lộc, Phú Lộc	Trung cấp	GD mầm non	8.30	8.30		9.40	83.00	83.00	0.00	188.00	354.00
2	Lê Thị Thanh	Tâm	12/12/1996	Vinh Giang, Phú Lộc	Trung cấp	GD mầm non	7.90	8.20		9.30	79.00	82.00	0.00	186.00	347.00
3	Nguyễn Thị Kim	Ngân	01/01/1991	Lộc Thủy, Phú Lộc	Cao đẳng	GD mầm non			8.23	9.00	0.00	0.00	164.60	180.00	344.60
4	Trần Thị	Mơ	02/3/1986	Vinh Giang, Phú Lộc	Trung cấp	GD mầm non	8.40	8.20		8.90	84.00	82.00	0.00	178.00	344.00
5	Võ Thanh	Nguyên	27/8/1994	TT Phú Lộc, Phú Lộc	Trung cấp	GD mầm non	8.20	8.80		8.70	82.00	88.00	0.00	174.00	344.00
6	Lê Thị Quỳnh	Tiên	06/5/1994	Lộc Điền, Phú Lộc	Đại học	GD mầm non			7.79	9.40	0.00	0.00	155.80	188.00	343.80
7	Hoàng Thị Kim	Thi	27/3/1996	Vinh Hưng, Phú Lộc	Trung cấp	GD mầm non	7.70	7.80		9.40	77.00	78.00	0.00	188.00	343.00

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Điểm thang điểm 10				Điểm quy đổi thang điểm 100				Tổng điểm
							Điểm trung bình môn học	Điểm trung bình thi tốt nghiệp hoặc khoá luận	Điểm tín chỉ theo thang điểm	Điểm phỏng vấn	Điểm trung bình môn học (hệ số 1)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp hoặc khoá luận (hệ số 1)	Điểm tín chỉ (hệ số 2)	Điểm phỏng vấn (hệ số 2)	
8	Bạch Thị Ngọc	Giàu	15/02/1996	Lộc Bổn, Phú Lộc	Trung cấp	GD mầm non	7.70	8.00		9.20	77.00	80.00	0.00	184.00	341.00
9	Nguyễn Cửu Thị	Lành	27/9/1994	Lộc Bổn, Phú Lộc	Trung cấp	GD mầm non	7.80	7.70		9.30	78.00	77.00	0.00	186.00	341.00
10	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	23/02/1996	Vinh Hiền, Phú Lộc	Trung cấp	GD mầm non	8.00	8.70		8.60	80.00	87.00	0.00	172.00	339.00
11	Lê Thị	Dung	06/9/1996	Lộc Sơn, Phú Lộc	Trung cấp	GD mầm non	8.00	8.00		8.90	80.00	80.00	0.00	178.00	338.00
12	Nguyễn Thị Thu	Thảo	10/7/1994	Lộc Sơn, Phú Lộc	Trung cấp	GD mầm non	8.00	6.70		9.50	80.00	67.00	0.00	190.00	337.00
13	Đặng Thị Mỹ	Lan	27/01/1992	Lộc Bổn, Phú Lộc	Đại học	GD mầm non	7.39	7.50		9.40	73.90	75.00	0.00	188.00	336.90
14	Trần Thị Tuyết	Dung	02/01/1989	Vinh Hưng, Phú Lộc	Trung cấp	GD mầm non	8.00	8.20		8.70	80.00	82.00	0.00	174.00	336.00
15	Nguyễn Thị Hoài	Ni	05/4/1995	Lộc Bổn, Phú Lộc	Trung cấp	GD mầm non	7.60	7.00		9.50	76.00	70.00	0.00	190.00	336.00
16	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	09/7/1995	Lộc An, Phú Lộc	Trung cấp	GD mầm non	7.70	7.30		9.20	77.00	73.00	0.00	184.00	334.00
17	Trịnh Thị	Linh	11/8/1995	Lộc Tiến, Phú Lộc	Trung cấp	GD mầm non	7.90	7.20		9.00	79.00	72.00	0.00	180.00	331.00
18	Trần Thị Bích	Trâm	01/9/1996	Lộc Bổn, Phú Lộc	Trung cấp	GD mầm non	7.20	7.20		9.30	72.00	72.00	0.00	186.00	330.00
19	Nguyễn Thị	Bích	14/2/1995	Lộc Trì, Phú Lộc	Trung cấp	GD mầm non	7.00	7.00		9.30	70.00	70.00	0.00	186.00	326.00
20	Lê Thị Ngọc	Ngân	20/10/1995	Lộc Trì, Phú Lộc	Trung cấp	GD mầm non	7.80	7.70		8.50	78.00	77.00	0.00	170.00	325.00

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Điểm thang điểm 10				Điểm quy đổi thang điểm 100				Tổng điểm
							Điểm trung bình môn học	Điểm trung bình thi tốt nghiệp hoặc khoá luận	Điểm tín chỉ theo thang điểm	Điểm phỏng vấn	Điểm trung bình môn học (hệ số 1)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp hoặc khoá luận (hệ số 1)	Điểm tín chỉ (hệ số 2)	Điểm phỏng vấn (hệ số 2)	
21	Lương Phạm Phương	Thảo	10/01/1990	Lộc Bình, Phú Lộc	Cao đẳng	GD mầm non			8.00	8.20	0.00	0.00	160.00	164.00	324.00
22	Dương Thị	Thơm	13/10/1993	Lộc Tiến, Phú Lộc	Trung cấp	GD mầm non	7.80	7.00		8.80	78.00	70.00	0.00	176.00	324.00
23	Võ Thị Bích	Chi	20/9/1995	Lộc Bổn, Phú Lộc	Trung cấp	GD mầm non	7.60	6.00		9.30	76.00	60.00	0.00	186.00	322.00
24	Ngô Thị Hoàng	Giang	29/01/1995	Vinh Hiền, Phú Lộc	Trung cấp	GD mầm non	7.80	7.20		8.60	78.00	72.00	0.00	172.00	322.00
25	Lê Thị	Hồng	16/3/1992	Lộc Điền, Phú Lộc	Đại học	GD mầm non			6.98	9.10	0.00	0.00	139.60	182.00	321.60
26	Nguyễn Thị Kim	Yến	20/01/1994	TT Phú Lộc, Phú Lộc	Trung cấp	GD mầm non	7.90	6.50		8.80	79.00	65.00	0.00	176.00	320.00
27	Trịnh Thị	Mai	01/01/1991	Lộc Tiến, Phú Lộc	Đại học	GD mầm non			7.44	8.50	0.00	0.00	148.80	170.00	318.80
28	Phan Thị Quỳnh	Ngân	29/02/1995	Lộc Trì, Phú Lộc	Trung cấp	GD mầm non	7.40	7.00		8.60	74.00	70.00	0.00	172.00	316.00
29	Lê Thị Thu	Hoài	12/5/1993	Quảng Điền	Đại học	GD mầm non			7.24	8.50	0.00	0.00	144.80	170.00	314.80
30	Phạm Thị Như	Quỳnh	27/8/1997	Lộc Điền, Phú Lộc	Trung cấp	GD mầm non	7.80	7.80		7.90	78.00	78.00	0.00	158.00	314.00
31	Trương Thị	Bình	28/01/1984	Lộc Vĩnh, Phú Lộc	Trung cấp	GD mầm non	8.10	8.00		7.20	81.00	80.00	0.00	144.00	305.00
32	Cao Thị Phương	Trinh	12/12/1995	Lộc An, Phú Lộc	Trung cấp	GD mầm non	7.30	7.20		8.00	73.00	72.00	0.00	160.00	305.00
33	Nguyễn Thị	Nguyệt	25/8/1994	Lộc Trì, Phú Lộc	Trung cấp	GD mầm non	6.90	6.70		8.10	69.00	67.00	0.00	162.00	298.00

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Điểm thang điểm 10				Điểm quy đổi thang điểm 100				Tổng điểm
							Điểm trung bình môn học	Điểm trung bình thi tốt nghiệp hoặc khoá luận	Điểm tín chỉ theo thang điểm	Điểm phỏng vấn	Điểm trung bình môn học (hệ số 1)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp hoặc khoá luận (hệ số 1)	Điểm tín chỉ (hệ số 2)	Điểm phỏng vấn (hệ số 2)	
34	Trương Thị Mỹ	Âu	10/5/1995	Lộc An, Phú Lộc	Trung cấp	GD mầm non	7.50	6.20		8.00	75.00	62.00	0.00	160.00	297.00
35	Ngô Thị Hồng	Hiếu	21/8/1994	TT Lăng Cô, Phú Lộc	Đại học	GD mầm non	7.22	7.50		7.40	72.20	75.00	0.00	148.00	295.20
36	Lê Thị Mỹ	Hạnh	28/9/1992	Lộc An, Phú Lộc	Trung cấp	GD mầm non	7.20	6.70		7.70	72.00	67.00	0.00	154.00	293.00
37	Trần Thị	Ly	08/9/1996	Lộc Sơn, Phú Lộc	Trung cấp	GD mầm non	7.90	6.80		7.30	79.00	68.00	0.00	146.00	293.00
38	Phan Thị Thanh	Nhàn	10/12/1992	Lộc Trì, Phú Lộc	Đại học	GD mầm non			6.83	7.80	0.00	0.00	136.60	156.00	292.60
39	Nguyễn Thị	Thủy	3/12/1996	TT Phú Lộc, Phú Lộc	Trung cấp	GD mầm non	8.20	8.50		6.20	82.00	85.00	0.00	124.00	291.00
40	Nguyễn Thị Yến	Nhi	20/3/1995	Lộc Vĩnh, Phú Lộc	Trung cấp	GD mầm non	7.40	8.30		6.50	74.00	83.00	0.00	130.00	287.00
41	Nguyễn Thị Vơ	Mơ	20/8/1992	Lộc Hòa, Phú Lộc	Đại học	GD mầm non			7.74	6.40	0.00	0.00	154.80	128.00	282.80
42	Nguyễn Thị	Diễm	22/02/1996	Xuân Lộc, Phú Lộc	Trung cấp	GD mầm non	7.90	8.00		5.80	79.00	80.00	0.00	116.00	275.00
43	Trần Thị	Huế	01/01/1994	Lộc Tiến, Phú Lộc	Đại học	GD mầm non			7.19	5.90	0.00	0.00	143.80	118.00	261.80
44	Trần Thị	Hòa	21/8/1997	Lộc Bình, Phú Lộc	Trung cấp	GD mầm non	8.10	8.50		4.50	81.00	85.00	0.00	90.00	256.00
45	Nguyễn Thị	Thúy	05/10/1995	Lộc An, Phú L	Trung cấp	GD mầm non	7.50	6.00		5.90	75.00	60.00	0.00	118.00	253.00
46	Nguyễn Thị	Nỡ	15/02/1995	TT Phú Lộc, Phú Lộc	Trung cấp	GD mầm non	7.60	8.30		4.60	76.00	83.00	0.00	92.00	251.00

TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Điểm thang điểm 10				Điểm quy đổi thang điểm 100				Tổng điểm
							Điểm trung bình môn học	Điểm trung bình thi tốt nghiệp hoặc khoá luận	Điểm tín chỉ theo thang điểm	Điểm phỏng vấn	Điểm trung bình môn học (hệ số 1)	Điểm trung bình thi tốt nghiệp hoặc khoá luận (hệ số 1)	Điểm tín chỉ (hệ số 2)	Điểm phỏng vấn (hệ số 2)	
47	Nguyễn Thị	Mỹ	20/3/1997	Lộc Sơn, Phú Lộc	Trung cấp	GD mầm non	7.70	7.20		4.50	77.00	72.00	0.00	90.00	239.00
48	Đào Thị	Hiền	24/01/1994	Lộc An, Phú Lộc	Trung cấp	GD mầm non	8.20	7.80		3.90	82.00	78.00	0.00	78.00	238.00
49	Nguyễn Thị	Cốc	01/01/1986	Lộc Tiến, Phú Lộc	Trung cấp	GD mầm non	8.10	7.00		4.20	81.00	70.00	0.00	84.00	235.00
50	Huỳnh Thị Kim	Anh	26/8/1987	Xuân Lộc, Phú Lộc	Đại học	GD mầm non	7.50	7.00		4.40	75.00	70.00	0.00	88.00	233.00
51	Ngô Thị	Hải	06/11/1994	Lộc Điền, Phú Lộc	Cao đẳng	GD mầm non			7.62	3.60	0.00	0.00	152.40	72.00	224.40
52	Doãn Thị Hữu	Duyên	11/4/1988	Vinh Hiền, Phú Lộc	Trung cấp	GD mầm non	8.20	7.70		3.00	82.00	77.00	0.00	60.00	219.00
53	Phạm Thị Thanh	Thủy	22/11/1994	Hương Trà	Đại học	GD mầm non			7.34	3.30	0.00	0.00	146.80	66.00	212.80